

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỐNG KÊ HỌC

1. Sự ra đời và phát triển của thống kê học.

Thống kê học ra đời, phát triển từ nhu cầu thực tiễn của xã hội và là một trong những môn khoa học xã hội có lịch sử lâu dài nhất. Đó là một quá trình phát triển không ngừng từ đơn giản đến phức tạp, được đúc rút dần thành lý luận khoa học và ngày nay đã trở thành một môn khoa học độc lập.

Ngay từ thời cổ đại, con người đã biết chú ý tới việc đăng ký, ghi chép và tính toán số người trong bộ tộc, số gia súc, số người có thể huy động phục vụ các cuộc đấu tranh giữa các bộ tộc, số người được tham gia ăn chia, phân phối của cải thu được... Mặc dù việc ghi chép còn rất đơn giản với phạm vi hẹp, nhưng đó chính là những cơ sở thực tiễn ban đầu của thống kê. Trong xã hội phong kiến, hầu hết các quốc gia ở châu Âu, châu Á đều có tổ chức việc đăng ký, kê khai về số dân, ruộng đất, tài sản... với phạm vi rộng hơn, có tính chất thống kê rõ hơn. Tuy nhiên, các đăng ký này còn mang tính tự phát, thiếu khoa học. Thống kê đã có một bước phát triển quan trọng, nhưng vẫn chưa thực sự hình thành một môn khoa học độc lập.

Sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đòi hỏi các nhà khoa học phải nghiên cứu lý luận cũng như phương pháp thu thập, tính toán và phân tích về mặt lượng các hiện tượng kinh tế - xã hội. Năm 1682, William Petty (1623 - 1687), nhà kinh tế học người Anh đã xuất bản cuốn “Số học chính trị”. Đây là tác phẩm có tính phân tích thống kê đầu tiên trong đó tác giả nghiên cứu các hiện tượng xã hội bằng cách tổng hợp và so sánh các con số.

Những thành tựu nổi bật của khoa học tự nhiên trong thế kỷ XVIII, đặc biệt là sự ra đời của lý thuyết xác suất và thống kê toán đã có sự ảnh hưởng rất lớn đến thống kê học, gắn liền với nhiều tên tuổi của nhiều nhà toán học- thống kê học như: Lomonoxop(Nga), Laplace(Pháp), Fisher, Pearson(Anh).

Kể từ khi ra đời, thống kê ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Thông qua việc phát hiện, phản ánh những quy luật về lượng của hiện tượng, các con số thống kê giúp cho việc kiểm tra, giám sát, đánh giá các chương trình, kế hoạch và định hướng sự phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai. Do vai trò quan trọng của thống kê nên V.Lê Nin đã khẳng định rằng: thống kê kinh tế- xã hội là một trong những công cụ mạnh mẽ nhất để nhận thức xã hội.

2. Đối tượng nghiên cứu của thống kê.

Nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của thống kê cho thấy : Thống kê học là một môn khoa học xã hội. Tuy nhiên, khác với các môn khoa học xã hội

khác, thống kê học không trực tiếp nghiên cứu mặt chất của hiện tượng, mà nó chỉ phản ánh bản chất, tính quy luật của hiện tượng thông qua các con số, các biểu hiện về lượng của hiện tượng. Điều đó có nghĩa là thống kê học phải sử dụng các con số về quy mô, kết cấu, quan hệ tỷ lệ, quan hệ so sánh....của hiện tượng để phản ánh biểu thị bản chất, tính quy luật của hiện tượng nghiên cứu trong những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Như vậy, các con số thống kê không phải chung chung, trừu tượng, mà bao giờ cũng chứa đựng một nội dung kinh tế, chính trị, xã hội nhất định giúp ta nhận thức được bản chất và quy luật của hiện tượng nghiên cứu.

Theo quan điểm của triết học, chất và lượng là hai mặt không thể tách rời của mọi sự vật, hiện tượng, giữa chúng luôn tồn tại mối liên hệ biện chứng với nhau. Trong mối quan hệ đó, sự thay đổi về lượng quyết định sự biến đổi về chất. Quy luật lượng – chất của triết học đã chỉ rõ: Mỗi lượng cụ thể đều gắn với một chất nhất định, khi lượng thay đổi và tích lũy đến một chừng mực nhất định thì chất thay đổi theo. Vì vậy, nghiên cứu mặt lượng của hiện tượng sẽ giúp cho việc nhận thức bản chất của hiện tượng. Có thể đánh giá thành tích sản xuất của một doanh nghiệp qua các con số thống kê về tổng số sản phẩm làm ra, giá trị sản xuất đạt được, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về sản xuất, giá thành đơn vị sản phẩm, năng suất lao động và thu nhập của người công nhân...

Tuy nhiên, để có thể phản ánh được bản chất và tính quy luật phát triển của hiện tượng, các con số thống kê phải được tập hợp, thu thập trên một số lớn các hiện tượng cá biệt. Thống kê học coi tổng thể các hiện tượng cá biệt như một thể hoàn chỉnh và lấy đó làm đối tượng nghiên cứu. Nếu chỉ thu thập số liệu trên một số ít hiện tượng thì khó có thể rút ra bản chất chung của hiện tượng, mà nhiều khi người ta chỉ tìm thấy những yếu tố ngẫu nhiên, không bản chất. Ngược lại, khi nghiên cứu trên một số lớn các hiện tượng cá biệt, các yếu tố ngẫu nhiên sẽ bù trừ, triệt tiêu nhau và khi đó bản chất, quy luật phát triển của hiện tượng mới được bộc lộ rõ.

Hiện tượng số lớn trong thống kê được hiểu là một tập hợp các hiện tượng cá biệt đủ bù trừ, triệt tiêu tác động của các yếu tố ngẫu nhiên. Giữa hiện tượng số lớn và các hiện tượng cá biệt luôn luôn tồn tại mối quan hệ biện chứng. Đối tượng nghiên cứu của thống kê học bao giờ cũng tồn tại trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể. Trong điều kiện lịch sử khác nhau, các đặc điểm về chất và biểu hiện về lượng của hiện tượng cũng khác nhau, nhất là với các hiện tượng kinh tế - xã hội. Chẳng hạn, trình độ hiện đại hóa, một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động của người công nhân lại rất khác nhau giữa các doanh nghiệp.

Từ các phân tích trên, có thể rút ra kết luận: Đối tượng nghiên cứu của thống kê học là mặt lượng trong sự liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng số lớn, trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

3. Cơ sở lý luận của thống kê học.

3.1 Phải dựa vào kinh tế chính trị học:

Trong môn kinh tế chính trị có nhiều các khái niệm, các phạm trù, các quy luật như giá trị, giá thành, giá cả, quy luật cung cầu, cạnh tranh, tích lũy, khoa học công nghệ khi nghiên cứu về kinh tế phải nắm được các khái niệm, các quy luật, các phạm trù kinh tế, làm cơ sở nghiên cứu thì mới thấy được bản chất của sự vật.

3.2 Phải dựa vào chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Các hiện tượng và quá trình kinh tế - xã hội phát sinh, phát triển đều gắn liền những điều kiện và trong hoàn cảnh cụ thể, địa điểm ở đâu, thời gian nào, hoàn cảnh ra sao mới thấy được bản chất của hiện tượng.

3.3 Dựa vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước

Trong từng thời kỳ cụ thể như là: các nghị quyết, nghị định chính sách... trong đó định rõ nhiệm vụ phương hướng bước đi của từng ngành, từng lĩnh vực trong xã hội, những cái cấm đoán không được làm, những cái khuyến khích phát triển từ đó tạo ra biện pháp thực hiện các kế hoạch dự án, chương trình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, trên cơ sở đó thống kê giúp cho lãnh đạo đề ra được các chính sách, các quyết định cho phù hợp. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng có nói: người làm công tác thống kê phải hiểu một cách sâu sắc về đường lối chính sách của Đảng và nhà nước, phải có quan điểm của giai cấp vô sản.

4. Cơ sở phương pháp luận của thống kê học.

4.1. Phương pháp logic học: người cán bộ thống kê phải có trình độ hiểu biết sâu sắc về hiện tượng có lý luận tư duy tổng hợp của nhiều môn khoa học khác để phát triển một cách sâu sắc và toàn diện về hiện tượng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu của thống kê: phân tổ - tổng hợp – phương sai.

4.3. Phương pháp biện chứng: bao gồm 2 nguyên lý, 3 quy luật, 6 cặp phạm trù.

5. Nhiệm vụ của thống kê học.

Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu thống kê nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin cho phân tích và dự đoán.

Tổ chức điều tra thu thập và tổng hợp số liệu của các hiện tượng kinh tế xã hội số lớn.

Vận dụng phương pháp toán học để tổng hợp, xử lý, tính toán, phân tích các chỉ tiêu thống kê.

6. Một số khái niệm thường dùng trong thống kê.

6.1 Khái niệm chung về thống kê: Thống kê học là một môn khoa học nghiên cứu hệ thống các phương pháp thu thập, xử lý, phân tích các con số về mặt lượng của

những hiện tượng số lớn để tìm hiểu bản chất và tính quy luật vốn có của chúng (mặt chất) trong những điều kiện và thời gian cụ thể.

6.2 Tổng thể thống kê và đơn vị tổng thể

6.2.1. Khái niệm: là một hiện tượng kinh tế xã hội số lớn bao gồm các đơn vị và phần tử cá biệt cấu thành lên. Các đơn vị và phần tử cá biệt này gọi là các đơn vị của tổng thể.

6.2.2. Phân loại tổng thể thống kê.

Tổng thể bộc lộ: là tổng thể thống kê mà các đơn vị tổng thể dễ dàng xác định được bằng trực quan như: tổng số sinh viên trong lớp học, số hàng hoá bán ra trong tuần, tháng, năm...

Tổng thể tiềm ẩn: là tổng thể khó xác định bằng trực quan như: tổng thể số sinh viên trường cao đẳng nghề Yên Bái mê hát, bóng đá...

Tổng thể đồng chất: là tổng thể mà các đơn vị của tổng thể giống nhau về đặc điểm chủ yếu có liên quan đến mục đích nghiên cứu.

Tổng thể không đồng chất: ngược với đồng chất như: tổng thể các cơ sở sản xuất công nghiệp của toàn quốc trong một thời gian xác định là tổng thể đồng chất. Nó là tổng thể đồng chất nếu mục đích nghiên cứu là tìm hiểu kết quả hoạt động chế biến và khai thác sản phẩm vật chất.

Tổng thể chung: bao gồm tất cả các đơn vị của tổng thể.

Tổng thể riêng biệt (bộ phận) chỉ bao gồm một phần của tổng thể chung như: khi nghiên cứu về sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Yên Bái, tổng số doanh nghiệp vừa hay tổng số doanh nghiệp nhỏ là tổng thể bộ phận. Còn tổng 2 loại là tổng thể chung.

6.3 Tiêu thức thống kê.

6.3.1 Khái niệm: là các đặc điểm của đơn vị tổng thể được chọn ra để nghiên cứu. Ví dụ: đơn vị tổng thể là con người: tên, tuổi, giới tính, trình độ văn hoá, nơi ở, thu nhập...Hoặc đơn vị tổng thể là doanh nghiệp: tên doanh nghiệp, địa chỉ, số lượng công nhân, tài sản cố định, năng suất lao động...

6.3.2 Phân loại

a. Tiêu thức thuộc tính: phản ánh các tính chất của đơn vị tổng thể không biểu hiện trực tiếp bằng con số. Ví dụ: giới tính, trình độ văn hoá, nhân cách, tính cách, nghề nghiệp...

b. Tiêu thức trực tiếp:

Giới tính: nam và nữ

Nhân cách: tốt và không tốt

Hình thức: đẹp và xấu

c. Tiêu thức gián tiếp: đòi sống vật chất như lương thực, thịt, trứng, sữa..

d. Tiêu thức số lượng: là loại tiêu thức có biểu hiện trực tiếp bằng con số, đó là số liệu có thể cân, đo, đong, đếm, được của đơn vị tổng thể như: chiều dài của cây cầu, số nhân khẩu trong gia đình, tiền lương của người lao động...

e. Tiêu thức thay phiên: là tiêu thức có hai biểu hiện không trùng nhau trên cùng một tổng thể.

Ví dụ: giới tính: nam- nữ

số lượng công nhân: >500 người và < 500 người.

6.4. Chỉ tiêu thống kê.

6.4.1. *Khái niệm*: Là kết quả tổng hợp mối quan hệ giữa mặt lượng và chất của một hiện tượng tự nhiên, kinh tế xã hội nào đó bao gồm 2 mặt: khái niệm và con số.

a. Mặt khái niệm: bao gồm định nghĩa và khái niệm về thực thể, thời gian và không gian của hiện tượng, mặt này chỉ rõ nội dung của chỉ tiêu thống kê.

b. Mặt con số: của chỉ tiêu là trị số được phát hiện với các đơn vị tính phù hợp. Nó nêu lên mức độ của chỉ tiêu.

Ví dụ: Tổng sản lượng trong nước năm 2001 là 48.300 tỷ đồng trong đó tổng sản phẩm trong nước năm 2001 là mặt khái niệm của chỉ tiêu, 48.300 tỷ đồng là mặt con số của chỉ tiêu.

6.4.2 Phân loại.

Chỉ tiêu chất lượng: phản ánh mặt chất của hiện tượng cần nghiên cứu như năng suất lao động, giá thành đơn vị sản phẩm...

Chỉ tiêu số lượng: phản ánh quy mô của tổng thể như số lượng sản phẩm, số lượng công nhân, số lượng sinh viên trong lớp, trường...

6.5 Hệ thống chỉ tiêu thống kê: là các chỉ tiêu thống kê có mối quan hệ mật thiết với nhau cùng phản ánh một mặt nào đó của hiện tượng được nghiên cứu.

6.6 Các loại thang đo

6.6.1. *Thang đo định danh*: là việc đánh số các đặc điểm cùng loại của các đơn vị tổng thể nhưng các con số này không có mối quan hệ về mặt toán học như: giới tính : Nam là số 1. Nữ là số 2.

6.6.2. *Thang đo thứ bậc*: là thang đo định danh nhưng giữa các biểu hiện có mối quan hệ về thứ bậc.

Ví dụ: Trình độ văn hoá có 3 cấp: cấp 1,2,3

Trình độ chuyên nghiệp: trung cấp, cao đẳng, đại học.

Huân chương có 3 hạng: hạng nhất, nhì, ba

Quân hàm: thiếu tá, trung tá, thượng tá. đại tá.

6.6.3. *Thang đo tỷ lệ*: là thang đo khoảng với một điểm 0 tuyệt đối nào đó làm gốc.

Ví dụ: kg, m, cm, dm..

6.6.4. *Thang đo khoảng*: là thang đo thứ bậc nhưng có khoảng cách đều nhau như: số bình quân. Phương sai...

7. Bảng thống kê và đồ thị thống kê.

7.1 Bảng thống kê.

7.1.1. *Khái niệm*: Bảng thống kê là một hình thức biểu hiện các tài liệu thống kê một cách có hệ thống hợp lý rõ ràng.

7.1.2. *Ý nghĩa*: Nhằm nêu lên được đặc trưng về mặt lượng của hiện tượng, những đặc trưng hay đặc điểm chung của tất cả các bảng thống kê bao giờ cũng có con số chung, con số bộ phận, các con số này có liên quan đến nhau. Các tài liệu, số liệu trong bảng thống kê được sắp xếp khoa học giúp ta dễ dàng so sánh đối chiếu, phân tích theo các phương pháp khác nhau nhằm nêu nên một cách sâu sắc bản chất của hiện tượng nhằm thuyết phục người xem.

7.1.3. *Cấu thành của bảng thống kê*.

a. Hình thức: bảng thống kê bao gồm các hàng ngang cột dọc, các tiêu đề và các con số, phản ánh quy mô của bảng thống kê, hàng ngang cột dọc càng nhiều quy mô của bảng càng lớn thì nghiên cứu cho những hiện tượng đó càng phức tạp và ngược lại.

Hàng ngang cột dọc tạo thành các ô vuông, dùng để điền các số liệu thống kê và có thể đánh số thứ tự để cho tiện ghi chép.

Tiêu đề : phản ánh nội dung của bảng thống kê bao gồm:

- + Tiêu đề chung là tên gọi chung của bảng viết ngắn gọn và đặt phía trên của bảng.
- + Tiêu đề nhỏ (tiêu mục): là tên của mỗi hàng mỗi cột phản ánh rõ nội dung của mỗi hàng mỗi cột đó.

Các tài liệu và con số được ghi vào các ô của bảng thống kê, mỗi con số phản ánh một đặc trưng về mặt lượng của hiện tượng nghiên cứu.

b. Nội dung : bảng thống kê gồm hai phần

Phần chủ đề (chủ từ): nêu lên tổng thể hiện tượng được trình bày trong bảng thống kê, tổng thể này nó giải đáp đối tượng nghiên cứu là những đơn vị nào, loại hình nào, địa phương nào, thời gian nào. Phần chủ đề thường đặt ở bên trái của bảng thống kê .

Phần giải thích (tân từ): gồm các chỉ tiêu giải thích về các đặc điểm của đối tượng nghiên cứu nghĩa là giải thích phần chủ đề của bảng. Phần giải thích thường đặt ở vị trí bên trên của bảng, cũng có những trường hợp người ta thay đổi vị trí cho nhau.

c. Các loại bảng thống kê: căn cứ vào kết cấu của phần chủ đề có thể phân thành hai loại sau:

* Bảng thống kê giản đơn: là loại bảng phần chủ đề không có phân tổ mà phần chủ đề của bảng chỉ liệt kê: các đơn vị trong tổng thể, tên gọi địa phương, thời gian khác nhau của quá trình nghiên cứu.

Ví dụ: Tại một doanh nghiệp X có số liệu như sau

Tên xí nghiệp sản xuất	Số công nhân Sản xuất (1)	Giá trị tổng sản lượng(triệu đồng) (2)	Năng suất lao động bình quân (3=2/1)
Xí nghiệp A	350	3500	10.000
Xí nghiệp B	410	4305	10.500
Xí nghiệp C	460	4462	9700
Doanh nghiệp “X”	1120	12.267	10.054

* Bảng thống kê kết hợp: là loại bảng thống kê có thể căn cứ vào nhiều tiêu thức để ghi trong phần chủ đề có nhiều tổ hoặc nhiều bộ phận khác nhau. Loại bảng này giúp ta nghiên cứu sâu sắc bản chất của hiện tượng và đi sâu vào kết cấu của hiện tượng và thấy rõ mối liên hệ giữa bộ phận này với bộ phận khác trong quá trình phát triển.

d. Những yêu cầu đối với việc xây dựng bảng thống kê

Quy mô của bảng thống kê không nên quá lớn.

Các tiêu đề và tiêu mục trong bảng thống kê cần được ghi chính xác, đầy đủ, gọn và dễ hiểu.

Các hàng và các cột cần được ký hiệu bằng chữ hoặc số để tiện trình bày và theo dõi.

Các chỉ tiêu giải thích trong bảng thống kê cần được sắp xếp theo thứ tự hợp lý, phù hợp với mục đích nghiên cứu, các chỉ tiêu có liên hệ với nhau sắp xếp gần nhau.

Cách ghi các ký hiệu trong bảng thống kê theo nguyên tắc các ô có trong bảng thống kê dùng để ghi số liệu.

Phần ghi chú ở cuối bảng thống kê được dùng để giải thích rõ nội dung của một số chỉ tiêu trong bảng, để nói rõ các nguồn tài liệu đã sử dụng

Trong bảng thống kê bao giờ cũng phải có đơn vị tính cụ thể theo từng chỉ tiêu.

7.8. Đồ thị thống kê.

7.8.1. *Khái niệm:* Đồ thị thống kê là các hình vẽ hoặc các đường nét hình học dùng để mô tả có tính chất quy ước về các tài liệu thống kê.

7.8.2. Đặc điểm

Đồ thị thống kê sử dụng các con số kết hợp với hình vẽ, đường nét và màu sắc để trình bày và phân tích các đặc trưng số lượng của hiện tượng cần nghiên cứu từ đó người xem không mất nhiều thời gian nhưng vẫn nhận thức được vấn đề chủ yếu một cách dễ dàng và nhanh chóng.

Đồ thị thống kê chỉ trình bày một cách khái quát các đặc điểm chủ yếu về bản chất và xu hướng phát triển của hiện tượng.

Do đặc điểm nêu trên đồ thị thống kê có tính quần chúng, tính hấp dẫn, sinh động làm cho người hiểu biết ít về thống kê nhưng dễ dàng vẫn cảm nhận được về bản chất của hiện tượng đồng thời giữ được ấn tượng khá sâu sắc cho người xem.

7.8.3. Các loại đồ thị thống kê.

* Căn cứ vào hình thức biểu hiện có thể phân chia đồ thị thống kê thành các loại sau:

- + Biểu đồ hình cột.
- + Biểu đồ tượng hình.
- + Biểu đồ diện tích(hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn).
- + Đồ thị gấp khúc.
- + Bảng đồ thống kê.

* Nếu căn cứ theo nội dung phản ánh có thể phân chia biểu đồ thống kê thành các loại sau:

- + Đồ thị so sánh.
- + Đồ thị phát triển.
- + Đồ thị kết cấu.
- + Đồ thị hoàn thành kế hoạch.

CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 1

Câu 1: Phân tích đối tượng nghiên cứu của thống kê học ?

Câu 2: Cơ sở lý luận của thống kê học ?

Câu 3: Cơ sở phương pháp luận của thống kê học?

Câu 4: Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa thống kê học với các môn khoa học khác có liên quan?

Tailieu.vn

CHƯƠNG 2

QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU THỐNG KÊ

1. Điều tra thống kê.

1.1 Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của điều tra thống kê.

1.1.1. Khái niệm: Điều tra thống kê là việc tổ chức một cách khoa học theo một kế hoạch thống nhất việc thu thập, ghi chép nguồn tài liệu ban đầu về hiện tượng nghiên cứu trong điều kiện cụ thể về thời gian, không gian.

Điều 3, Luật thống kê của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng định nghĩa: Điều tra thống kê hình thức thu thập thông tin thống kê theo phương án điều tra. Định nghĩa này hoàn toàn phù hợp với khái niệm nêu trên, vì phương án điều tra thống kê sẽ quy định rõ về mục đích, ý nghĩa, toàn bộ quá trình tổ chức, điều kiện thời gian, không gian... của cuộc điều tra. Tính khoa học của cuộc điều tra được thể hiện rõ trong phương án này.

Ví dụ: Nghiên cứu Thống kê dân số người ta phải điều tra dân số để thu thập tài liệu của từng người dân về họ, tên, tuổi, nơi ở, giới tính, trình độ văn hoá...

1.1.2. Ý nghĩa của điều tra thống kê: Điều tra thống kê, nếu được tổ chức theo những nguyên tắc khoa học chặt chẽ, sẽ đáp ứng được nhiều yêu cầu khác nhau cả về lý thuyết cũng như thực tế đặt ra.

Trước hết tài liệu do điều tra thống kê thu được là căn cứ tin cậy để kiểm tra, đánh giá thực trạng hiện tượng nghiên cứu, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của từng đơn vị, từng địa phương và của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Thứ hai, điều tra thống kê cung cấp cho ta những tài liệu, những số liệu đáng tin cậy để tổng hợp phân tích rút ra được kết luận đúng đắn về hiện tượng nghiên cứu, trên cơ sở đó, tìm biện pháp thích hợp thúc đẩy hiện tượng phát triển theo hướng có lợi nhất.

Thứ ba, những tài liệu điều tra thống kê cung cấp một cách có hệ thống còn là căn cứ vững chắc cho việc phát triển, xác định xu hướng, quy luật biến động của hiện tượng và dự đoán xu hướng phát triển trong tương lai. Trong quá trình điều hành, quản lý kinh tế - xã hội, các tài liệu này giúp cho việc xây dựng các định hướng, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai, quản lý quá trình thực hiện các kế hoạch. Từ đó, làm căn cứ để giúp Đảng và Nhà nước đề ra những đường lối chủ trương chính sách về các kế hoạch, các dự án để phát triển kinh tế - xã hội và nhiều lĩnh vực khác, đề ra được những biện pháp quản lý chỉ đạo, lãnh đạo được phù hợp.